

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2017/HSST.
Ngày 25 tháng 9 năm 2017.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Sửu, bà Lò Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1996. Nơi ĐK HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản C, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Phạm Văn T, sinh năm: 1972 và bà: Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1973; chưa có vợ; tiền sự: không;

Tiền án: Tại bản án số 79/2016/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2016 Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xử phạt Nguyễn Ngọc S 04 tháng tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến nay, có mặt.

2/ Đào Văn H, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu X, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Lái xe taxi; Đảng phái, đoàn thể: không; Con ông: Đào Văn H1 (Đã chết), con bà: Nguyễn Thị M; vợ Đỗ Loan P, sinh năm 1985 có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại đến nay có mặt.

3/ **Đoàn Tiến D**, sinh năm 1977. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở hiện nay: Tiểu khu X, Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng phái, đoàn thể: không; Con ông: Đoàn Xuân H và bà Mai Thị O; vợ Lê Thị H, có 02 con, con lớn sinh năm: 1996, con nhỏ sinh năm: 2002; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4/ **Đoàn Thành C**, sinh năm 1996. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã S, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng phái, đoàn thể: không; con ông: Đoàn Tiến D (là bị cáo trong vụ án), con bà: Lê Thị H, chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại đến nay có mặt.

5/ **Lò Văn V**, sinh năm 1993. Nơi ĐK HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản C, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Sửa chữa xe máy; Đảng phái, đoàn thể: không; con ông Lò Văn N, con bà Mè Thị Đ; có vợ Cầm Thị C và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại đến nay có mặt.

*** Người bị hại:**

1/ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973. Trú tại: Bản C, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2/ Nguyễn Việt L, sinh năm 1970. Trú tại: Bản C, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

3/ Đỗ Văn C, sinh năm 1984. Trú tại: Đội X, xóm Đ, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Đỗ Văn Tr, sinh năm 1995. Trú tại: Đội X, xóm Đ, xã H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5/ Trần Xuân H (Trần Văn H), sinh năm 1995. Trú tại: Tiểu khu T, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6/ Bùi Văn H2, sinh năm 1994. Trú tại: Bản C, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7/ Đoàn Văn H1, sinh ngày 03/01/2000. Trú tại: Bản K, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

Người đại diện hợp pháp có ông Đoàn Văn M (bố đẻ), sinh năm 1974. Trú tại: Bản K, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

8/ Hà Văn P, sinh ngày 17/7/1999. Trú tại: Bản L, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Phạm Văn L, sinh năm 1989. Trú tại: Bản C, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2/ Trần Thị L1, sinh năm 1988. Trú tại: Bản C, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

3/ Nguyễn Thị D, sinh năm 1988. Trú tại: Bản K, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Ngọc S và hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Đoàn Tiến D, Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V.

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 02/4/2017, Nguyễn Ngọc S về nhà ở bản C, xã Y, huyện Yên Châu, khi đến nhà thấy Nguyễn Thị Th (mẹ S) và Nguyễn Việt L (bố dượng S) đang ngủ trong nhà. Với mục đích lấy trộm tài sản để chi tiêu cá nhân, S vào nhà lấy chiếc ví trong có số tiền 2.500.000đ và 01 chiếc điện thoại SAMSUNG A7 của Nguyễn Việt L, do chiếc điện thoại có cài đặt chuông chống trộm nên S cầm điện thoại bỏ chạy ra ngoài. Khoảng 16 giờ ngày 02/4/2017, S mang chiếc điện thoại bán cho Nguyễn Tài D trú tại Tiểu khu X, xã C, huyện Mai Sơn với giá 5.500.000đ. Sau đó D đã bán cho một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 5.800.000đ. Do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại trên.

Vụ thứ hai: Khoảng 07 giờ ngày 12/4/2017, Nguyễn Ngọc S đang bán hàng thuê tại chợ X, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội thì Đỗ Văn C, tạm trú tại số nhà S, thôn H, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội gọi điện thoại đặt vấn đề thuê S bán hàng cho C, S đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, S được C đón về nơi ở trọ của C. Khoảng 21 giờ cùng ngày, C và Phạm Văn N, (em rể C) rủ S đi uống nước nhưng Sơn không đi. Sau khi C và N đi khỏi nhà, S lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA biển kiểm soát 18H1– 382.05 của Đỗ Văn Tr (anh trai C) và chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu LENOVO I3 của C đến cửa hàng mua bán sửa chữa điện thoại gần bên xe Mỹ Đình (S không nhớ rõ địa chỉ) bán chiếc máy tính Laptop với giá 2.000.000đ, còn chiếc xe máy Sơn gửi xe khách mang về Sơn La.

Đến khoảng 09 giờ ngày 13/4/2017 S điều khiển chiếc xe máy của Tr đến nhà Đào Văn H, trú tại: tiểu khu X, thị trấn H, huyện Mai Sơn và đặt vấn đề bán chiếc xe máy cho H do biết chiếc xe máy S trộm cắp nên H không mua. H gọi điện thoại cho Đoàn Tiến D ở tiểu khu X, thị trấn Yên Châu nói “Có thằng em nó có con xe nháy, anh có mua không?”, D biết là xe máy trộm cắp mà có nhưng D vẫn đồng ý mua với giá 6.000.000đ. D bảo H và S mang xe đến cửa hàng của Đoàn Thành C (con trai D). Sau đó C gọi điện cho Lò Văn V là người làm thuê tại cửa hàng của C nhờ V nhận xe

và trả cho S, H 6.000.000đ, đồng thời dặn V không được nhận xe ở cửa hàng, vì đây là xe do trộm cắp mà có.

Khoảng 13 giờ cùng ngày V giao số tiền 6.000.000đ cho S và H, Sau đó V mang xe về lán nương của gia đình cất giấu. Nhận được tiền S trả cho H: 500.000đ tiền thuê xe taxi, 500.000đ tiền nợ và cho thêm Huấn 300.000 đồng.

Ngày 15/4/2017 C gọi điện bảo V mang chiếc xe đến nhà Lò Văn B trú tại: bản H, xã C, huyện Yên Châu ăn cơm và giao xe cho C. Trên đường đi V đã tháo biển kiểm soát cất vào trong cốp xe. Ăn cơm xong do trời mưa nên C gửi lại chiếc xe máy tại lán ao của B rồi đi về nhà.

Ngày 16/4/2017 để tránh Công an phát hiện D gọi điện thoại bảo C thay thế biển kiểm soát, thay đổi số khung, số máy của xe. C đã dùng máy cắt phần kim loại có in chữ và số khung, số máy của chiếc xe Wave BKS : 26H9 – 8491, còn biển kiểm soát 18H1- 382.05 C ném tại lán ao của B. C điều chiếc xe máy về quán của Đoàn Tiến D. Tại quán của D, C tháo hai vành đúc màu vàng cam của chiếc xe thay bằng 02 vành nan hoa kim loại màu trắng và dùng keo dán 02 miếng kim loại in chữ và số 100078 lên vị trí số khung số máy, lắp 01 gương chiếu hậu và phục vụ nhu cầu đi lại của bản thân.

Tại các bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của quận Hà Đông, thành phố Hà Nội kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA của Đỗ Văn Tr có giá trị 15.210.000, chiếc Laptop LENOVO I3 của Đỗ Văn C có trị giá là: 5.500.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Châu kết luận: Chiếc điện thoại Sam Sung A7 của Nguyễn Việt L trị giá 8.415.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Ngọc S.

Vụ thứ nhất: Khoảng đầu tháng 11/2016, Nguyễn Ngọc S gặp Trần Xuân H (bạn của Sơn) tại quán Internet của Nguyễn Khắc C. Thấy H có một chiếc điện thoại IPHONE 6 màu trắng, với mục đích chiếm đoạt tài sản, S hỏi mượn H chiếc điện thoại để chơi game. H đồng ý và lấy điện thoại đưa cho S, lợi dụng lúc H không để ý S mang chiếc điện thoại bán cho Nguyễn Huy C trú tại Tiểu khu X, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La với giá 5.000.000đ. Chiếc điện thoại C đã bán cho một người không rõ tên tuổi, địa chỉ với giá 5.500.000đ. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại trên.

Vụ thứ hai: Nguyễn Ngọc S biết Đoàn Văn H1 trú tại Bản K, xã Y, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (bạn S), có 01 chiếc điện thoại OPPO F1W. Khoảng 11 giờ ngày 07/02/2017, với mục đích chiếm đoạt chiếc điện thoại, S nhờ một người thanh niên (không quen biết) trở đến gặp H1, khi đến điểm dừng xe Buýt trước cổng trường THCS Cò Nòi, S thấy H1 đang ngồi trên xe Buýt, S bảo người thanh niên đứng chờ, còn Sơn lên xe buýt gặp H1, S nói “tại sao H1 nhắn tin cho người yêu của S” và yêu

cầu H1 đưa điện thoại để S kiểm tra. H1 đồng ý, S nói với H1 ra Ngã ba Cò Nòi để nói chuyện, H1 mượn xe máy đuổi theo S nhưng không kịp, gọi điện thoại cho S thì S đã tắt máy. Sau đó S đã mang cầm cố chiếc điện thoại của H1 cho anh Nguyễn Tài D, trú tại: Tiểu Khu X, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La với giá 1.800.000 đồng và nói cho H1 chiếc điện thoại Sơn đem cầm cố cho anh D. Khoảng 18 giờ cùng ngày Đoàn Văn M (bố H1) đi cùng với H1 đến cửa hàng Nguyễn Tài D chuộc lại chiếc điện thoại với giá 2.000.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ, ngày 12/3/2017, Nguyễn Văn S đến quán Internet của Phạm Văn Q chơi thì gặp Bùi Xuân H2, trú tại: bản C, xã Y, huyện Yên Châu (người quen của S) đang ngồi chơi game. Với mục đích chiếm đoạt tài sản, S hỏi mượn H2 chiếc điện thoại APPLE IPHONE 5s Gold 64G để chơi game. H2 đồng ý và đọc mật khẩu cho S mở máy. Khoảng 30 phút sau, lợi dụng lúc H2 không đề ý, S mang chiếc điện thoại đến bán cho Hoàng Mạnh H trú tại tiểu khu X, thị trấn Hát Lót, Mai Sơn bán với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Chiếc điện thoại trên Hoàng Mạnh H đã bán lại cho một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ với giá 2.500.000đ. Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Vụ thứ tư: Khoảng 08 giờ ngày 14/4/2017, Nguyễn Ngọc S đang chơi game tại quán Internet tại tiểu khu S, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, ngồi cạnh có Đỗ Tiến B (bạn của S) thì có Hà Văn P điều khiển xe máy Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 26K1 – 124.12 đến quán chơi. Với mục đích chiếm đoạt tài sản, S nói với P “Cho tao mượn xe máy để đi bán chiếc điện thoại ở quán Dũng Quý, bán xong sẽ về ngay”. Thấy S ngồi chơi game cạnh B, P nghĩ S là bạn của B nên đồng ý, mượn được xe S tháo biển số xe và gương chiếu hậu gửi tại quán của Nguyễn Thị D ở bản K, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, sau đó S mang cầm cố chiếc xe cho Phạm Văn L ở bản C, xã Y, huyện Yên Châu, Sơn La với giá 5.500.000đ (do L không có tiền nên đã vay của chị Trần Thị L để đưa cho S) sau đó L đã gửi xe lại ở nhà L.

Tại các bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Châu và huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La kết luận:

01 chiếc điện thoại Apple Iphone 6 của Trần Xuân H có giá trị 11.920.000đ; 01 chiếc điện thoại Oppo F1W của Đoàn Văn H1 có giá trị 4.400.000đ; 01 chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha, biển kiểm soát: 26K1 – 124.12 của Hà Văn P có giá trị 21.266.000đ; 01 chiếc điện thoại Apple iphone 5s Gold 64G của Bùi Văn H2 trị giá 3.760.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc xe Honda Wave Alpha do Trần Thị L giao nộp, 01 gương chiếu hậu, 01 biển kiểm soát 26 K1- 124.12 do Nguyễn Thị D giao nộp

Thu giữ của Nguyễn Ngọc S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia – 105.

Thu giữ của Đoàn Thành C 01 xe mô tô Wave alpha nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 26H9-8491; 02 vành đúc màu vàng cam; 01 khung xe máy bằng kim loại màu xám.

- 01 biển kiểm soát xe mô tô 18H1 – 382.05 do Lò Văn B giao nộp.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S5, do Đoàn Tiến D giao nộp.
- 01 điện thoại di động, loại NOKIA 1280 do Lò Văn V giao nộp.
- Đào Văn H giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu số tiền: 1.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 47/KSĐT-KT ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, truy tố:

Nguyễn Ngọc S về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Truy tố: Đoàn Tiến D, Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội: Trộm cắp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tuyên bố bị cáo: Đoàn Tiến D, Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V về tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g “Phạm tội nhiều lần, tái phạm” khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S từ đến 18 tháng đến 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả hai tội từ 42 tháng đến 54 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo Sơn.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Tiến D 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b,h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đào Văn H 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt Đoàn Thành C 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lò Văn V 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) và khấu trừ thu nhập đối với D, H, C, V.

*Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận Cơ quan điều tra trả lại tài sản cho:

- Hà Văn P: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng; 01 (một) biển kiểm soát số 26K1 – 124.12; 01 (một) chiếc gương chiếu hậu hình chữ nhật.

- Đỗ Văn Tr: 01 (một) chiếc xe mô tô Wave, nhãn hiệu HONDA, màu sơn vàng cam; 01 (một) biển kiểm soát xe mô tô mang số: 18H1-382.05; 02 (hai) vành đúc màu vàng cam.

Chấp nhận người bị hại Nguyễn Thị Th, Nguyễn Việt L không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại Samsung A7 và số tiền 2.500.000 đồng; Phạm Văn L không yêu cầu bị cáo S bồi hoàn lại số tiền 5.500.000 đồng (tiền S cầm cố chiếc xe máy cho L).

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải bồi thường trả cho những người bị hại:

- Đỗ Văn C số tiền 5.500.000 đồng;
- Đỗ Văn Tr số tiền 1.800.000 đồng;
- Trần Xuân H số tiền 11.920.000 đồng;
- Đoàn Văn H1 số tiền 3.000.000 đồng;
- Bùi Văn H2 số tiền: 3.760.000 đồng;
- Hà Văn P số tiền 2.000.000 đồng.

Về vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.300.000 đ thu giữ của Đào Văn H; 03 điện thoại thu giữ của các bị cáo D, S, V.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương.

Các bị hại đề nghị bị cáo Nguyễn Ngọc S bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Người bị hại Nguyễn Thị Th, Nguyễn Việt L, Hà Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa; bị hại Đỗ Văn C, Đỗ Văn Tr, Trần Xuân H, Bùi Văn H2 có đơn xin xét xử vắng mặt; người liên quan Phạm Văn L, Trần Thị L vắng mặt, Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án bởi lẽ trong hồ sơ thể hiện lời khai và đơn của các bị hại yêu cầu bị cáo Sơn bồi thường tài sản bị chiếm đoạt, căn cứ khoản 1 Điều 191 của Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận:

Khoảng thời gian từ đầu tháng 11 năm 2016 và ngày 14 tháng 4 năm 2017 Nguyễn Ngọc S lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản, bí mật chiếm đoạt tài sản của: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Việt L: tiền mặt 2.500.000đ và 01 chiếc điện thoại SAMSUNG A7 giá trị 8.415.000 đồng; Đỗ Văn Tr 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA giá trị 15.210.000 đồng; Đỗ Văn C: 01 chiếc máy tính LENOVO giá trị 5.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản Sơn đã chiếm đoạt là 31.625.000 đồng.

Sau khi chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave ALPHA Nguyễn Ngọc S đem đến nhà Đào Văn H đặt vấn đề bán cho H do biết chiếc xe máy S trộm cắp nên H không mua. H gọi điện thoại cho Đoàn Tiến D, D biết là xe máy trộm cắp mà có nhưng D vẫn đồng ý mua với giá 6.000.000đ. D bảo H và S mang xe đến cửa hàng của Đoàn Thành C (con trai D). Sau đó C gọi điện cho Lò Văn V là người làm thuê tại cửa hàng của C nhờ V nhận xe và trả cho S và H 6.000.000đ.

Ngoài ra, từ tháng 11/2016 đến tháng 4/2017, để có tiền chi tiêu sử dụng cho cá nhân, Nguyễn Ngọc S đã bằng thủ đoạn gian dối lợi dụng sự tin tưởng của 04 bị hại cụ thể: Chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave của Hà Văn P trị giá 21.266.000 đồng; 03 chiếc điện thoại di động của Trần Văn H, Đoàn Văn H1, Bùi Văn H2 giá trị 20.080.000 đồng để đem đi bán, cầm cố lấy tiền chi tiêu, sử dụng cho cá nhân. Tổng giá trị tài sản S đã chiếm đoạt là 41.346.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; đơn trình báo của người bị hại; lời khai của những người liên quan; vật chứng thu giữ.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S là đối tượng ham chơi lười lao động, do không có tiền chi tiêu cá nhân, với mục đích chiếm đoạt tài sản, S đã lén lút bí mật chiếm đoạt 01 xe máy của Đỗ Văn Tr, 01 chiếc máy tính xách tay của Đỗ Văn C, 01 điện thoại và 2.500.000 đồng của Nguyễn Thị Th, Nguyễn Việt L. Tổng giá trị là 31.625.000đ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc S đã phạm tội Trộm cắp tài sản qui định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra Nguyễn Ngọc S còn lợi dụng lòng tin của bạn bè, đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt 03 chiếc điện thoại và 01 chiếc xe máy đem đi bán, cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng giá trị Sơn chiếm đoạt của các bị hại là 41.346.000 đồng, hành vi của Nguyễn Ngọc S đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Đoàn Tiến D, Đào Văn H, Đoàn Thanh C, Lò Văn V do tư lợi cá nhân biết rõ chiếc xe máy do Nguyễn Ngọc S trộm cắp mà có nhưng vẫn cố tình mua với giá 6.000.000 đồng, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm cần áp dụng Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự, khi lên mức hình phạt cần xem xét đến vai trò của từng bị cáo.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, trật tự an toàn xã hội, các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S có 01 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 79/HSST/2016 ngày 30/8/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xử phạt 04 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý, bị cáo phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp “Tái phạm, phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 49 của Bộ luật hình sự, bị cáo phạm hai tội cần áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S.

Các bị cáo Đoàn Văn D, Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo (05 bị cáo) đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đoàn Tiến D, Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V tích cực bồi thường với tổng số tiền 7.200.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường 1.800.000 đồng) cho anh Đỗ Văn Tr để khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, người bị hại Đỗ Văn Tr có đơn xin xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, bị cáo C có ông bà nội là người có công với cách mạng, được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đoàn Tiến D có bố, mẹ để tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo Đào Văn H, Đoàn Tiến D, Đoàn Thành C, Lò Văn V có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo được gia đình và chính quyền địa phương có đơn xin bảo lãnh cải tạo tại địa phương. Xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo về cho gia đình và chính quyền địa phương quản lý, giám sát cũng có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích về sau. Từ các nhận định nêu trên có đủ căn cứ áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh có căn cứ xác định các bị cáo không có tài sản có giá trị, không có thu nhập ổn định do đó không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo D, H, C, V là phù hợp.

Về vật chứng:

Đối với 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng; 01 (một) biển kiểm soát số 26K1 – 124.12; 01 (một) chiếc gương chiếu hậu hình chữ nhật; 01 (một) chiếc xe mô tô Wave, nhãn hiệu HONDA, màu sơn vàng cam; 01 (Một) biển kiểm soát xe mô tô mang số: 18H1-382.05; 02 (Hai) vành đúc màu vàng cam là tài sản hợp pháp của anh Đỗ Văn Tr, anh Hà Văn P bị tội phạm chiếm đoạt đã thu giữ được, việc Cơ quan điều tra trả lại tài sản cho anh Tr và P là có căn cứ, cần chấp nhận

Đối với 03 (ba) chiếc điện thoại thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA - 105 của Nguyễn Ngọc S; 01 chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG GALAXY S5 của Đoàn Tiến D; 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA- 1280 của

Lò Văn V. Xét thấy các bị cáo sử dụng điện thoại vào mục đích liên lạc mua bán tài sản do phạm tội mà có, do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 1.300.000 đồng do Đào Văn H giao nộp. Xét đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 khung xe máy bằng kim loại màu xám, phía dưới có gắn chân chống chính và phụ, phía trên có gắn ổ khóa điện; 01 vách xe máy; 01 biển kiểm soát 26H9-8491; 02 vành nan hoa; 01 gương xe máy thời trang do Đoàn Thành C giao nộp là những dụng cụ để sử dụng vào mục đích phạm tội, xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc S bồi thường tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được cụ thể như sau:

- Đỗ Văn C số tiền 5.500.000 đồng (giá trị chiếc máy tính laptop);
- Đỗ Văn Tr số tiền 1.800.000 đồng (tiền công truy tìm, tiền sửa xe)
- Trần Xuân H số tiền 11.920.000 đồng (giá trị chiếc điện thoại Iphone 6);
- Đoàn Văn H1 số tiền 3.000.000 đồng (tiền chuộc điện thoại);
- Bùi Văn H2 số tiền 3.760.000 đồng (giá trị chiếc điện thoại IPHONE 5s);
- Hà Văn P số tiền 2.000.000 đồng (tiền công truy tìm xe máy).

Xét tài sản bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được, yêu cầu của các người bị hại là có căn cứ pháp luật cần chấp nhận, căn cứ các Điều 584, 585 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải bồi thường cho các bị hại số tiền trên.

Đối với tài sản Nguyễn Ngọc S chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Th, Nguyễn Việt L gồm: Tiền mặt 2.500.000 đồng và 01 điện thoại SAMSUNG A7 giá trị 8.415.000 đồng. Chị Th và anh L không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Đối với số tiền 5.500.000 đồng do anh Phạm Văn L trả tiền cầm cố chiếc xe máy do Nguyễn Ngọc S chiếm đoạt của Hà Văn P nhưng L không biết là tài sản do trộm cắp mà có, anh L đã giao nộp lại chiếc xe máy trên, anh L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th, Nguyễn Việt L, Phạm Văn L là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Chị Th, anh L, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, cần chấp nhận.

Đối với Nguyễn Khắc C, Hoàng Mạnh H, Nguyễn Tài D, Phạm Văn L là những người nhận cầm cố xe mô tô và điện thoại của S nhưng không biết là những tài sản do S phạm tội mà có. Do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự, là có căn cứ.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm 02 tội: Tội trộm cắp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo Đoàn Tiến D, Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g “phạm tội nhiều lần, tái phạm” khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 24 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai tội là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo S.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị Quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đoàn Tiến D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thành C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ

Xử phạt bị cáo Lò Văn V 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) và miễn khấu trừ thu nhập đối Đoàn Tiến D, Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V.

Giao bị cáo Đoàn Tiến D cho UBND thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đào Văn H cho UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đoàn Thành C cho UBND xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lò Văn V cho UBND xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Đoàn Tiến D, Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

4/ Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại gồm:

Đỗ Văn Tr: 01 (một) chiếc xe mô tô Wave, nhãn hiệu HONDA, màu sơn vàng cam; 01 (Một) biển kiểm soát xe mô tô mang số: 18H1-382.05; 02 (Hai) vành đúc màu vàng cam.

Hà Văn P: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng; 01 (một) biển kiểm soát số 26K1 – 124.12; 01 (một) chiếc gương chiếu hậu hình chữ nhật.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, IMEI1: 354898081570482, IMEI2: 354898081570490 của Nguyễn Ngọc S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S5, vỏ màu đen, số IMEI: 353285/06/286847/6, bên trong có 01 sim và thẻ nhớ, vỏ ốp lưng bị nứt (máy đã qua sử dụng) của Đoàn Tiến D; 01 điện thoại di động loại NOKIA 1280, vỏ màu đen, số IMEI 354838/04/597824/9, bên trong có 01 sim của Lò Văn V.

- Số tiền 1.300.000 đồng của Đào Văn H (thu qua biên lai quyền 0059, số 002902 ngày 18/8/2017 của Chi cục thi hành án huyện Yên Châu)

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 khung xe máy bằng kim loại màu xám, kích thước (1,1x0,23x0,7)m, phía dưới khung có gắn chân chống chính, một chân phụ, phía trên cổ xe có gắn ổ khóa điện, tại vị trí chính giữa cổ xe có vết cắt gây thủng trên diện (0,1x0,03)m.

- 01 vách máy (xe máy), phía trên vách có gắn củ đèn hình tròn, phía dưới vách có dấu vết cắt gây mất phần kim loại phần chữ số máy.

- 01 biển kiểm soát 26H9-8491; 02 vành nan hoa; 01 gương thời trang hình chữ nhật (đều không còn giá trị sử dụng).

5/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải bồi thường cho những người bị hại sau:

- Đỗ Văn C số tiền số tiền 5.500.000 đồng.

- Đỗ Văn Tr số tiền 1.800.000 đồng.

- Trần Xuân H (Trần Văn H) số tiền 11.920.000 đồng.

- Đoàn Văn H1 số tiền 3.000.000 đồng.
- Bùi Văn H2 số tiền 3.760.000 đồng.
- Hà Văn P số tiền 2.000.000 đồng.

Chấp nhận chị Nguyễn Thị Th, Nguyễn Việt, Phạm Văn L không yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc S bồi thường tài sản bị chiếm đoạt.

6/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.399.000đ (một triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đoàn Tiến D, Đào Văn H, Đoàn Thành C, Lò Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, đại diện bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 25/9/2017).

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận hi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La ;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- THAHS;
- Chi cục THA huyện Yên Châu;
- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Hội thẩm nhân dân

Đào Ngọc Hà